

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 116/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 09 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Điều lệ Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 45/2010/NĐ-CP; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh Gia Lai và đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh Gia Lai đã được Đại hội khóa I, nhiệm kỳ 2018 - 2023 của Hội thông qua ngày 13/9/2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh Gia Lai, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Nội vụ, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

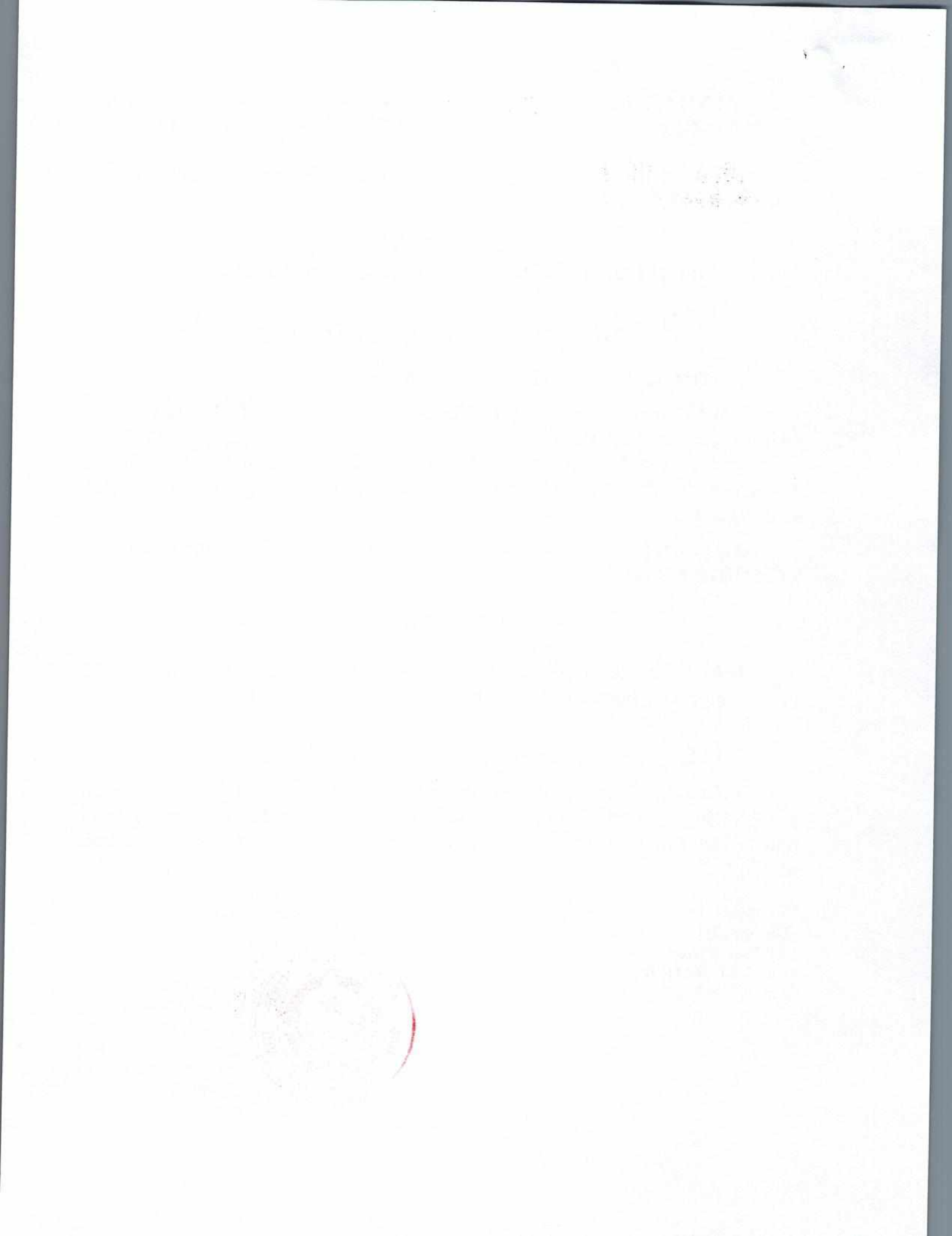
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành





ĐIỀU LỆ
HỘI BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG TỈNH GIA LAI
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 11/6 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018*
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên gọi bằng tiếng Việt: Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh Gia Lai, gọi tắt là Hội bảo vệ người tiêu dùng Gia Lai.
2. Tên quốc tế: Consumers Protect Association of Gia Lai Province.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội của những người hoạt động trong các lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tự nguyện thành lập, không vì mục đích lợi nhuận nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, giúp đỡ nhau nâng cao trình độ, xây dựng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật, công nghệ trong các lĩnh vực, nâng cao chất lượng các mặt của cuộc sống và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng; giúp cho các doanh nghiệp ngày càng nhận thức và nâng cao trách nhiệm đối với người tiêu dùng tỉnh Gia lai.

Điều 3. Phạm vi hoạt động, địa vị pháp lý và trụ sở của Hội

1. Hội hoạt động trên phạm vi tỉnh Gia Lai; chịu sự quản lý nhà nước của Sở Công Thương và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định của pháp luật.
2. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng. Hoạt động theo Điều lệ của Hội được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và tuân thủ theo Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tự chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Hội trước pháp luật.
3. Trụ sở chính của Hội đặt tại Khu liên cơ quan tỉnh Gia Lai (Số 17 Trần Hưng Đạo, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội đã được phê duyệt.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 5. Hội có nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội và của người tiêu dùng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

6. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

7. Đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực trên thị trường nhằm bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người tiêu dùng.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 6. Quyền của Hội

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.

2. Đại diện cho hội viên và người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh trong các hoạt động có liên quan đến tôn chỉ, mục đích và nhiệm vụ của Hội.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia tư vấn, phản biện và giám định xã hội về những vấn đề có liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ của Hội; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội.

5. Đại diện cho người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh trong các tranh chấp nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của họ theo quy định của pháp luật.

6. Được thực hiện các dự án, chương trình, đề tài thuộc lĩnh vực tư vấn, phổ biến kiến thức pháp luật có liên quan đến tiêu chuẩn, chất lượng và bảo vệ người tiêu dùng phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

7. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.

8. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

9. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định pháp luật.

10. Được nhận các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

11. Khen thưởng và đề nghị các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng cho hội viên tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện tôn chỉ, mục đích của Hội và có những đóng góp tích cực cho các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 7. Tiêu chuẩn Hội viên

1. Hội viên chính thức: Mọi công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai, có đầy đủ hành vi dân sự và các tổ chức chính trị, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức nghề nghiệp khác, quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện viết đơn xin gia nhập Hội, được Hội xem xét kết nạp thành hội viên của Hội.

2. Hội viên danh dự: Là các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Gia Lai không có điều kiện trở thành hội viên chính thức, không sinh hoạt Hội thường xuyên nhưng tâm huyết, ủng hộ và có đóng góp xây dựng, phát triển Hội, được Hội xem xét, công nhận.

Điều 8. Quyền của Hội viên

1. Được thông tin và giúp đỡ, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao trình độ về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; được tham gia hội nghị, hội thảo, tập huấn trong và ngoài tỉnh; được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định pháp luật và hưởng các quyền lợi khác do Hội quy định.

2. Thảo luận, tham gia ý kiến về công việc của Hội.

3. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

4. Được giới thiệu hội viên mới.
5. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
7. Hội viên danh dự có quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền bầu cử, ứng cử vào Ban lãnh đạo Hội, không được biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 9. Nghĩa vụ của Hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Tích cực đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực làm phương hại đến lợi ích chính đáng của người tiêu dùng.
4. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
6. Tích cực nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ và đẩy mạnh công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
7. Đóng Hội phí theo quy định của Hội.

Điều 10. Thủ tục vào Hội, ra Hội

1. Hội viên tổ chức và cá nhân muốn gia nhập hoặc xin ra khỏi Hội phải có đơn xin gia nhập hoặc đơn xin ra khỏi Hội và được Hội xem xét, quyết định.
2. Hội viên sẽ được đưa ra khỏi danh sách hội viên trong các trường hợp sau:
 - a) Tự nguyện xin ra khỏi Hội;
 - b) Khi bị kỷ luật khai trừ ra khỏi Hội.
 - c) Vi phạm Luật hình sự và bị tòa án tước quyền công dân.
 - d) Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế hoạt động và các nghị quyết của Hội.
3. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể hình thức, trình tự, thủ tục và thẩm quyền xét vào Hội, ra Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG

Điều 11. Tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn.
6. Các tổ chức cơ sở thuộc Hội (Liên Chi hội, Chi hội, Phân hội...) do Hội quyết định thành lập và không có tư cách pháp nhân.

Điều 12. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu, nhiệm kỳ 05 năm. Ngoài ra có thể tổ chức Đại hội bất thường khi có 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban chấp hành hoặc có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị. Đại hội do Ban chấp hành triệu tập.

2. Thành phần, số lượng đại biểu dự Đại hội do Ban chấp hành Hội quyết định.

3. Đại hội có nhiệm vụ:

a) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết công tác, đánh giá hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ đã qua và thông qua phương hướng hoạt động nhiệm kỳ mới; thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có).

b) Thảo luận báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban chấp hành, Ban kiểm tra và báo cáo tài chính của Hội.

c) Quyết định số lượng thành viên Ban chấp hành; bầu Ban chấp hành và Ban kiểm tra nhiệm kỳ mới.

d) Quyết định những vấn đề quan trọng về tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội.

đ) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 13. Ban chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ Đại hội.

2. Ủy viên Ban Chấp hành có thể được Ban chấp hành hội bầu bổ sung trong nhiệm kỳ, nhưng số lượng không được quá 1/3 (một phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội bầu ra.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội.

b) Thông qua văn kiện trình Đại hội, giới thiệu nhân sự cho nhiệm kỳ mới.

c) Bầu cử và bãi miễn các chức danh lãnh đạo của Hội gồm: Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng Thư ký và các ủy viên Thường vụ.

d) Quyết định mức thu hội phí.

đ) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội.

e) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

g) Quyết định triệu tập Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 14. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành Hội bầu ra, gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các ủy viên Thường vụ. Số lượng ủy viên Ban Thường vụ do Ban chấp hành Hội quyết định nhưng không quá 40% tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn Ban Thường vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Hội giữa hai kỳ họp.

b) Quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của các ban chuyên môn, các Tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ định kỳ 06 (sáu) tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các Nghị quyết, Quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

đ) Để điều hành công việc của Hội, Ban Thường vụ có thể cử ra Thường trực để giải quyết các công việc hàng ngày của Hội. Thường trực chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ về các công việc được phân công.

Điều 15. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu ra trong số các ủy viên Ban Chấp hành, là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; Nghị quyết Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

Điều 16. Phó Chủ tịch Hội

Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Số lượng Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quyết định.

Điều 17. Tổng Thư ký

1. Tổng Thư ký do Ban Chấp hành bầu ra, là người điều hành trực tiếp các hoạt động hàng ngày của Hội và của Văn phòng Hội. Tổng Thư ký chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và trước pháp luật về các hoạt động của Văn phòng Hội. Tổng Thư ký có thể do một Phó Chủ tịch Hội kiêm nhiệm.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn Tổng Thư ký Hội:

a) Chuẩn bị nội dung các kỳ sinh hoạt của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ, định kỳ báo cáo Ban Chấp hành, về các hoạt động của Hội, lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội.

b) Quản lý tài sản, tài chính của Hội, giúp Chủ tịch, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, trực tiếp chỉ đạo Văn phòng Hội và theo dõi hoạt động của các đơn vị trực thuộc và các Ban chuyên môn.

3. Khi cần, Ban Thường vụ có thể chỉ định phó Tổng thư ký theo đề nghị của Tổng thư ký. Phó Tổng thư ký là người giúp việc Tổng thư ký, chịu trách nhiệm trước Tổng thư ký, do Tổng thư ký phân công và được Thường vụ thông qua.

Điều 18. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội đại biểu nhiệm kỳ bầu ra, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên. Trưởng Ban Kiểm tra phải là ủy viên Ban Chấp hành. Ban Kiểm tra hoạt động độc lập về nghiệp vụ, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ.

2. Ban Kiểm tra họp định kỳ mỗi năm 01 lần và có thể họp bất thường theo yêu cầu của Trưởng ban hoặc của 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Kiểm tra yêu cầu.

3. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ

a) Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Hội, việc thực hiện nghị quyết của Đại hội, các nghị quyết và quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

b) Kiểm tra việc thu, chi tài chính của văn phòng Hội, các cơ sở thuộc Hội và báo cáo kết quả kiểm tra tại các cuộc họp thường niên của Ban chấp hành Hội.

c) Xem xét và kiến nghị với Ban thường vụ Hội để giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến hội viên, các tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật và người tiêu dùng; kiến nghị những biện pháp cần thiết để giải quyết những vấn đề quan trọng cấp bách phát sinh.

d) Có quyền yêu cầu hội viên và các tổ chức, đơn vị của Hội báo cáo, cung cấp những thông tin, tài liệu, chứng từ liên quan đến nội dung và phạm vi kiểm tra của Ban Kiểm tra. Kết luận về các đợt kiểm tra phải được thông báo đầy đủ cho Ban Chấp hành và Ban Thường vụ theo quy chế hoạt động của Hội và theo quy định của pháp luật.

đ) Ban Kiểm tra có chương trình hoạt động riêng hoặc hoạt động theo đề nghị của Chủ tịch Hội và quyết định của Ban Thường vụ Hội.

Điều 19. Văn phòng, các Ban chuyên môn trực thuộc Hội

1. Văn phòng là bộ máy giúp việc cho Ban Thường vụ, trực tiếp quản lý tài sản và tài chính của Hội, hoạt động theo Quy chế, chịu sự chỉ đạo và điều hành trực tiếp của Tổng thư ký.

2. Các Ban chuyên môn là bộ phận giúp việc cho Ban Thường vụ theo lĩnh vực cụ thể, chịu sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội, được tổ chức và hoạt động theo Quy chế do Tổng Thư ký trình Ban Thường vụ quyết định. Nhân sự Văn phòng và các Ban chuyên môn do Chủ tịch Hội quyết định theo đề nghị của Tổng thư ký sau khi trao đổi, thống nhất trong Thường trực.

3. Ban Thường vụ quy định cụ thể tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Văn phòng, các Ban chuyên môn và các tổ chức cơ sở trực thuộc Hội.

Chương V

TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH

Điều 20. Tài sản và tài chính của Hội

1. Nguồn thu của Hội:

a) Hội phí của hội viên (Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể mức thu Hội phí).

b) Hỗ trợ của Nhà nước đối với các hoạt động của Hội gắn với nhiệm vụ của Nhà nước (nếu được giao nhiệm vụ).

c) Tiền, tài sản ủng hộ, tài trợ và giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

d) Thu nhập từ các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, dịch vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

đ) Thu từ các hoạt động hợp pháp khác.

e) Nguồn thu từ các hoạt động của Hội không được chia cho Hội viên.

2. Các khoản chi của Hội

a) Chi cho các hoạt động quản lý của Hội.

b) Các hoạt động giáo dục truyền thông, khoa học kỹ thuật, công nghệ, tư vấn, hội nghị, hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho hội viên.

c) Chi mở văn phòng, thuê trụ sở, mua sắm tài sản, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các hoạt động khác của Văn phòng Hội.

d) Chi khen thưởng, lương, phụ cấp, công tác phí, bảo hiểm phúc lợi cho cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

đ) Chi nộp các khoản thuế (nếu có).

Điều 21. Quản lý tài sản, tài chính của Hội

1. Tài sản, tài chính của Hội được quản lý, sử dụng theo quy chế sử dụng tài sản, tài chính của Hội, phù hợp với các quy định của pháp luật và hướng dẫn của các cơ quan quản lý tài chính nhà nước có thẩm quyền.

2. Hàng năm Hội phải báo cáo tài chính trong hội nghị Ban Chấp hành, trong Đại hội nhiệm kỳ của Hội và công khai, minh bạch theo Quy chế quản lý và sử dụng tài chính của Hội.

Chương VI

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; GIẢI THỂ VÀ ĐỔI TÊN HỘI

Điều 22. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể và đổi tên Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể và đổi tên Hội thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự, Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Hội tự giải thể khi hết thời hạn hoạt động, khi mục đích đã hoàn thành hoặc theo đề nghị của ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức. Trường hợp Hội tự giải thể theo nghị quyết của Đại hội thì nghị quyết đó phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên hoặc đại biểu chính thức tham dự Đại hội biểu quyết thông qua.

3. Khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể thì Hội phải tiến hành kịp thời việc kiểm kê toàn bộ tài sản, tài chính đầy đủ, chính xác và tiến hành các thủ tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VII

KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng - kỷ luật

Các tổ chức, cá nhân hội viên có thành tích xuất sắc và tổ chức, cá nhân có công trong việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng sẽ được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 24. Kỷ luật

Tổ chức, cá nhân hội viên vi phạm những vấn đề sau đây thì tùy theo mức độ sẽ bị áp dụng các hình thức xử lý từ nhắc nhở, phê bình, đến khai trừ ra khỏi Hội. Nếu gây thiệt hại về tài sản, tài chính thì ngoài hình thức kỷ luật, còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

1. Vi phạm Điều lệ Hội và các Nghị quyết, Quyết định của Hội.

2. Làm tổn hại đến uy tín, thanh danh, lợi ích và khối đoàn kết chung của Hội.

3. Hội viên vi phạm pháp luật bị khởi tố trách nhiệm hình sự hoặc bị tòa án tước quyền công dân thì bị xóa tên khỏi danh sách hội viên.

Điều 25. Thẩm quyền xét khen thưởng và kỷ luật hội viên

Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể về tiêu chuẩn, hình thức, trình tự, thủ tục, xét khen thưởng và kỷ luật phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội Đại biểu nhiệm kỳ Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

2. Việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3(hai phần ba) số đại biểu có mặt tại Đại hội tán thành và được UBND tỉnh phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

3. Điều lệ này gồm 8 Chương 26 Điều, được toàn thể Hội viên thông qua tại Đại hội thành lập Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh Gia Lai thông qua ngày 13 tháng 9 năm 2018 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh Gia Lai có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.